

THANG ĐO NIPS TRONG ĐÁNH GIÁ ĐAU Ở TRẺ SƠ SINH KHI CHUYỂN NGỮ SANG TIẾNG VIỆT

**ThS.ĐD Ngô Thanh Hải
TS. Tô Gia Kiên**

TS.ĐD Kathleen A. Fitzsommions



1. Đặt vấn đề

- Trẻ tại đơn vị hồi sức sơ sinh (NICU) phải trải qua những thủ thuật y khoa gây đau lặp lại và kéo dài ^[1]
- Đau liên quan đến các bất thường trong sự phát triển thể chất và tinh thần khi trẻ lớn lên ^[2]

[1] UpToDate (2016) *Assessment of neonatal pain*, https://www.uptodate.com/contents/assessment-of-neonatal-pain?source=search_result&search=neonatal%20pain%20assessment&selectedTitle=1~150, June 7, 2017.

[2] Beatriz O. V, Liisa H, Maria B.M.L (2015) "Neonatal Pain and Developmental Outcomes in Children Born Preterm A Systematic Review". *Clin J Pain*, 31, 355-362.

Trên thế giới, có sẵn 1 số thang đo đánh giá đau cho trẻ sơ sinh: NIPS, FLACC, CRIES, NFCS, DAN,...

Thang đo **NIPS** (*Neonatal Infant Pain Scale*) được đánh giá tính giá trị và độ tin cậy tại nhiều nước trên thế giới, thang đo dễ sử dụng, thuận tiện, phù hợp với thực hành điều dưỡng [1], [2], [3]

[1] Gibbins S, Stevens B, McGrath PJ, Yamada J, Beyene J, Breau L, Camfield C, Finley A, Franck L, Johnston C, Howlett A, McKeever P, O'Brien K, Ohlsson A (2008) "Comparison of pain responses in infants of different gestational ages". *Neonatology*, 93 (1), 10-18.

[2] Suraseranivongse S, Kaosaard R, Intakong P, Pornsiriprasert S, Karnchana Y, Kaopinpruck J, Sangjeen K (2006) "A comparison of postoperative pain scales in neonates". *Br. J. Anaesth*, 97 (4), 540-544.

[3] Uyan ZS, Bilgen H, Topuzoğlu A, Akman I, Ozek E (2008) "Comparison of three neonatal pain scales during minor painful procedures". *J Matern Fetal Neonatal Med*, 21 (5), 305-308.

2. Câu hỏi – Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Câu hỏi nghiên cứu:

Thang đo NIPS khi chuyển ngữ sang tiếng Việt có tính giá trị để đánh giá đau cho trẻ sơ sinh hay không?

2. Câu hỏi – Mục tiêu nghiên cứu

2.2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung

Đánh giá tính giá trị nội dung của thang đo NIPS trong đánh giá đau ở trẻ sơ sinh khi chuyển ngữ sang tiếng Việt.

Mục tiêu cụ thể

1. Xác định tính giá trị nội dung của thang đo NIPS trong đánh giá đau cho trẻ sơ sinh.
2. Đánh giá mức độ áp dụng thang đo NIPS trong thực hành đánh giá đau cho trẻ sơ sinh.

Trong lịch sử y văn, đau ở trẻ sơ sinh chưa được quản lý đúng

Từ những năm 1980, nhiều bằng chứng đã chứng minh trẻ sơ sinh non tháng và đủ tháng đều có thể phải trải qua cảm giác đau.

Đáp ứng của trẻ sơ sinh đối với đau

→ Cơ sở phát triển thang đo đánh giá đau ở trẻ sơ sinh^[1]

[1] Uptodate (2017) *Prevention and treatment of neonatal pain*, https://www.uptodate.com/contents/prevention-and-treatment-of-neonatal-pain?source=search_result&search=neonatal%20pain&selectedTitle=2~18#H26, 23 June, 2017.

3.2. Các nghiên cứu có liên quan đến thang đo NIPS

Thế giới: Có nhiều thang đo đánh giá đau cho trẻ sơ sinh. Thang đo NIPS được chuyển ngữ và sử dụng thường quy tại các đơn vị NICU.

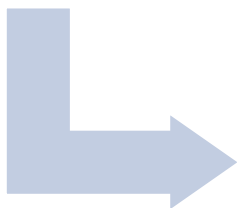
Việt Nam: Chưa có thang đo chuyên biệt cho trẻ sơ sinh được đánh giá tính giá trị và độ tin cậy, chỉ có thang đo đánh giá đau cho trẻ trên 1 tháng tuổi (thang đo VAS-Visual Analogue Scale, NRS-Numerical Rating Scale, FPR-Faces Pain Rating Scales, Pain Rating Scale, FLACC,...) [1], [2]

[1] Lương Thị Ánh Thùy, Đặng Thị Mỹ Tánh, Lê Nguyễn Nhật Trung (2016) "Kiến thức và thực hành điều trị giảm đau khi thực hiện thủ thuật ở trẻ sơ sinh của điều dưỡng tại khoa sơ sinh và hồi sức sơ sinh bệnh viện Nhi đồng 2". Y học TP. Hồ Chí Minh, 20 (6), 16-24.

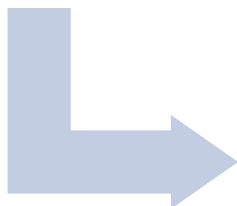
[2]. Đỗ Quang Vĩ, Lê Thanh Hải, Trương Thị Mai Hồng, Lê Ngọc Duy, Đinh Thị Hồng, Phạm Ngọc Toàn, Đặng Hồng Khánh, Đỗ Thị Xuân, Đỗ Minh Thùy (2016) "Đánh giá đau ở trẻ em nhập viện tại khoa cấp cứu bệnh viện Nhi Trung ương". Y học TP. Hồ Chí Minh, 20 (6), 25-29.

4. Đối tượng - Phương pháp nghiên cứu

Xin phép sử dụng
thang đo

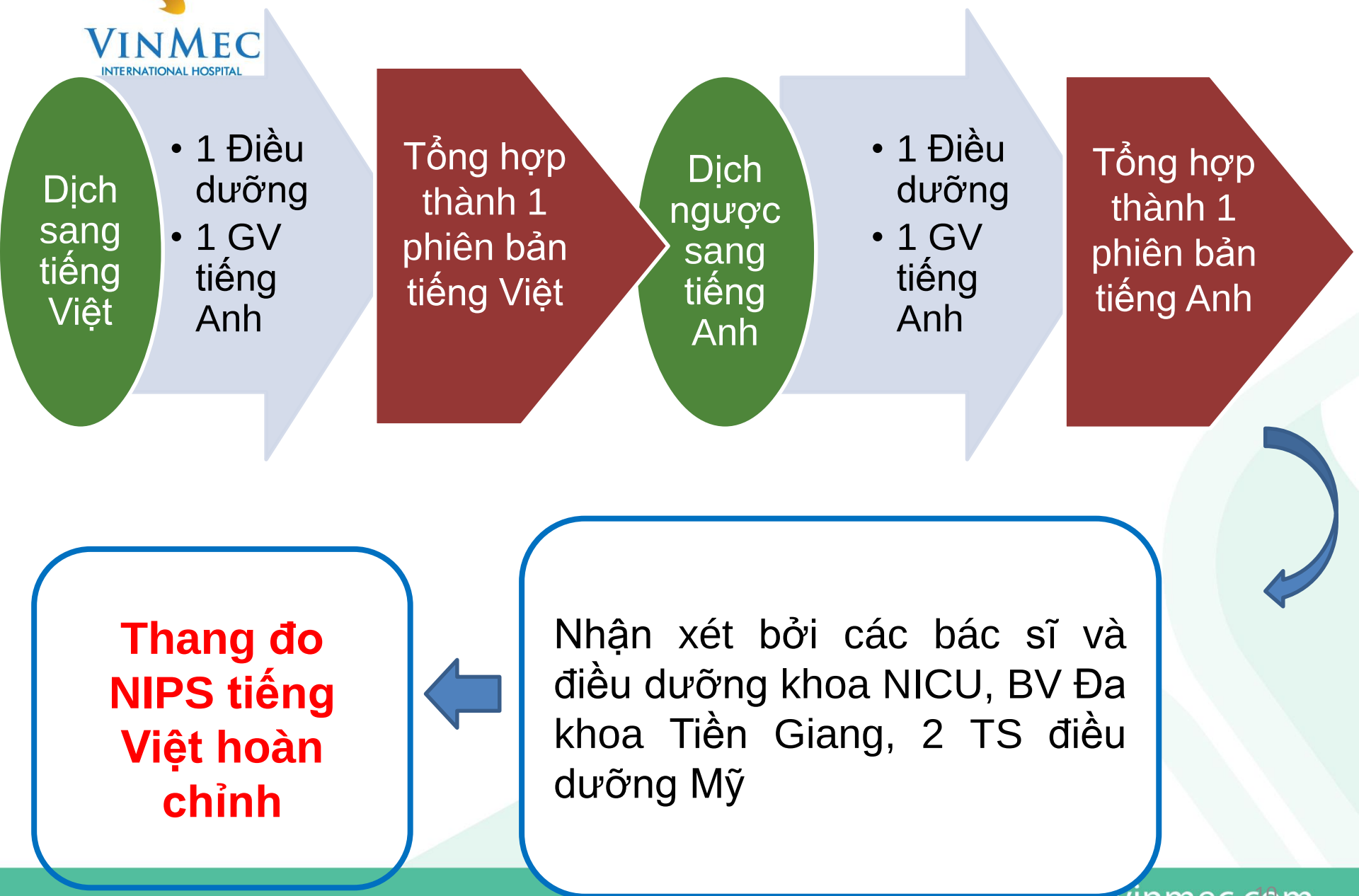


Giai đoạn
chuyển ngữ



Giai đoạn đánh giá mức
độ áp dụng của thang đo
NIPS

4. Đối tượng – PP nghiên cứu *4.1. Giai đoạn chuyển ngữ*



Thiết kế nghiên cứu: mô tả, cắt ngang

Địa điểm nghiên cứu: khoa NICU, BV Đa khoa TT Tiền Giang

Đối tượng tham gia nghiên cứu: điều dưỡng viên khoa NICU, BV Đa khoa TT Tiền Giang

Cỡ mẫu: lấy mẫu trọn

4. Đối tượng – PP nghiên cứu

4.2. Giai đoạn đánh giá mức độ áp dụng

Tiêu chuẩn chọn mẫu

Tiêu chí chọn vào: ĐD đang công tác tại khoa, trực tiếp chăm sóc trẻ, đồng ý tham gia vào nghiên cứu

Tiêu chí loại ra: ĐD đang trong thời gian thử việc, thời gian làm việc tại khoa < 1 năm

4. Đối tượng – PP nghiên cứu

4.2. Giai đoạn đánh giá mức độ áp dụng

Công cụ thu thập số liệu: phiếu khảo sát

Nhập và xử lý số liệu: Stata 13

Thống kê mô tả:

Giới tính, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác

Điểm số mức độ áp dụng của thang NIPS

Thời gian ĐD sử dụng thang NIPS để hoàn thành đánh giá đau cho trẻ

5. Kết quả - bàn luận 5.1. Giai đoạn chuyển ngữ

Phiên bản tiếng Việt hoàn chỉnh của thang đo NIPS

Vẻ mặt

0 – Cơ mặt thư giãn

1 – Nhăn mặt

Vẻ mặt yên bình, biểu hiện trung tính

Cơ mặt căng chặt; mặt nhăn ở trán, cằm và hàm

Khóc

0 – Không khóc

1 – Rên rỉ

2 – Khóc dữ dội

Yên lặng, không khóc

Rên nhẹ, ngắt quãng

Thét lớn, chói tai, liên tục (ghi chú: khóc không thành tiếng có thể được cho điểm nếu trẻ được đặt nội khí quản, khi có bằng chứng qua quan sát miệng và cử động mặt)

Kiểu thở

0 – Thoải mái

1 – Thay đổi kiểu thở

Kiểu thở bình thường

Rút lõm, không đều, nhanh hơn bình thường, nôn khan, có cơn ngưng thở

Cử động tay

0 – Thoải mái/tự chủ

1 – Co/duỗi

Không co cứng cơ, có những cử động ngẫu nhiên của cánh tay

Cánh tay thẳng, căng cứng, co/duỗi nhanh

Cử động chân

0 – Thoải mái/tự chủ

1 – Co/duỗi

Không co cứng cơ, chân có những cử động ngẫu nhiên

Chân thẳng, căng cứng, co/duỗi nhanh

Trạng thái thức tỉnh

0 – Đang ngủ/thức

1 – Kích thích

Yên lặng, yên bình, đang ngủ hoặc thức nhưng ổn định

Tỉnh táo, không ngừng cựa quậy và quấy đập

Đánh giá:

Điểm đau 0 – 2: Không đau, đau nhẹ

Điểm đau 3 – 4: Đau vừa

Điểm đau > 4: Đau nghiêm trọng

Back-translation NIPS version

Facial Expression

- | | |
|---------------------|--|
| 0 – Relaxed muscles | Restful face, neutral expression |
| 1 – Grimace | Tight facial muscles, furrowed brow, chin, jaw |

Cry

- | | |
|------------------|---|
| 0 – Not crying | Quiet, not crying |
| 1 – Whimper | Mild moaning, intermittent |
| 2 – Vigorous cry | Loud scream, shrill, continuous (Note: Silent cry may be scored if the infant is intubated, when there is evidences by obvious mouth, facial movements) |

Breathing Patterns

- | | |
|-------------------------|--|
| 0 – Relaxed | Usual breathing pattern |
| 1 – Change in breathing | Indrawing, irregular, faster than usual, gagging, breath holding |

Arms

- | | |
|------------------------|--|
| 0 – Relaxed/restrained | No muscular rigidity, occasional random movements of arms |
| 1 – Flexed/extended | Tense, straight arms, rigid and/or rapid extension/flexion |

Legs

- | | |
|------------------------|--|
| 0 – Relaxed/restrained | No muscular rigidity, occasional occasional random movements of legs |
| 1 – Flexed/extended | Tense, straight legs, rigid and/or rapid extension/flexion |

State of Arousal

- | | |
|--------------------|---|
| 0 – Sleeping/awake | Quiet, peaceful, sleeping or alert and stabilized |
| 1 – Fussy | Alert, restless, and thrashing |

Assessment

Pain score 0 – 2: No Pain or Mild Pain

Pain score 3 – 4: Moderate Pain

Pain score > 4: Severe Pain

English original NIPS version

Facial Expression

- | | |
|---------------------|--|
| 0 – Relaxed muscles | Restful face, neutral expression |
| 1 – Grimace | Tight facial muscles, furrowed brow, chin, jaw |

Cry

- | | |
|------------------|---|
| 0 – No cry | Quiet, not crying |
| 1 – Whimper | Mild moaning, intermittent |
| 2 – Vigorous cry | Loud scream, shrill, continuous (Note: Silent cry may be scored if baby is intubated, as evidenced by obvious mouth, facial movement) |

Breathing Patterns

- | | |
|-------------------------|--|
| 0 – Relaxed | Usual breathing pattern for this baby |
| 1 – Change in breathing | Indrawing, irregular, faster than usual, gagging, breath holding |

Arms

- | | |
|------------------------|--|
| 0 – Relaxed/restrained | No muscular rigidity, occasional random movements of arms |
| 1 – Flexed/extended | Tense, straight arms, rigid and/or rapid extension/flexion |

Legs

- | | |
|------------------------|--|
| 0 – Relaxed/restrained | No muscular rigidity, occasional random leg movement |
| 1 – Flexed/extended | Tense, straight legs, rigid and/or rapid extension/flexion |

State of Arousal

- | | |
|--------------------|--|
| 0 – Sleeping/awake | Quiet, peaceful, sleeping or alert and settled |
| 1 – Fussy | Alert, restless, and thrashing |

Assessment

Pain score 0 – 2: No Pain or Mild Pain

Pain score 3 – 4: Moderate Pain

Pain score > 4: Severe Pain

5. Kết quả - bàn luận *5.1. Giai đoạn đánh giá mức độ áp dụng*

Kết luận giai đoạn chuyển ngữ và nghiên cứu thử thang đo NIPS tiếng Việt:

- có nội dung tương đồng so với phiên bản gốc
- có thể áp dụng vào thực hành đánh giá đau ở trẻ sơ sinh tại đơn vị NICU.

6. Kết luận

Thang đo NIPS phiên bản tiếng Việt có nội dung tương đồng so với bản gốc

Thang đo phù hợp, đơn giản, thuận tiện trong việc đánh giá đau ở trẻ sơ sinh, không cần tính toán sự thay đổi chỉ số nhịp tim hay sự thay đổi độ bão hòa oxy

7. Kiến nghị

Cần nhắc đưa việc sử dụng thang đo NIPS đánh giá đau của trẻ vào quy trình chăm sóc thường quy tại các đơn vị sơ sinh/NICU.

Tập huấn điều dưỡng tại đơn vị sơ sinh/NICU sử dụng thang đo NIPS

Cần có thêm nghiên cứu áp dụng thang đo NIPS để đánh giá tính giá trị và độ tin cậy của thang đo.



Trân trọng cảm ơn!

VINMEC INTERNATIONAL HOSPITAL

458 Minh Khai, Hai Ba Trung, Hanoi

Tel : +84 43 97 43 556

Fax : + 84 43 97 43 557

Email : info@vinmec.com

Website : www.vinmec.com

